

CÔNG TY TNHH LANIKIDS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LANIKIDS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LANIKIDS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LaniKids Co.LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110894399

3. Ngày thành lập: 20/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2 ngõ 268 Trần Điền , Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0337919355

Fax:

Email: arc.linh1202@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759(Chính)
2.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng)	4764
3.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
4.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
5.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
8.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
9.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
10.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
11.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
12.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3313
13.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
14.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
15.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
16.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

17.	Xây dựng nhà để ở	4101
18.	Xây dựng nhà không để ở	4102
19.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Không bao gồm chia tách đất và cải tạo đất)	4299
20.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
21.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
22.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
23.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm)	4610
24.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại trừ bán buôn các loại động vật nhà nước cấm kinh doanh)	4620
25.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
26.	Bán buôn thực phẩm (Trừ động vật hoang dã)	4632
27.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Loại trừ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
28.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ loại cấm)	4661
29.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
30.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
31.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
36.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
38.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
39.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
40.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5621
41.	Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5629
42.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5630

43.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (khoản 1 điều 3 Luật kinh doanh Bất động sản 2023)	6810
44.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Tư vấn Bất động sản (khoản 12 điều 3 Luật kinh doanh Bất động sản 2023) Môi giới bất động sản (khoản 11 điều 3 Luật kinh doanh Bất động sản 2023)	6820
45.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
46.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
47.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ cho thuê máy bay)	7730
48.	Dịch vụ đóng gói	8292
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động đấu giá, Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tấu ký)	8299
50.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
51.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ :Hoạt động của các sân nhảy, Hoạt động của các phòng hát Karaoke)	9329

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THANH XUÂN	Việt Nam	C2106 Rice City, Tây nam Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.700.000.000	90,000	034055001314	
2	VŨ THỊ VEN	Việt Nam	C2106 Rice City, Tây nam Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	300.000.000	10,000	001155003532	

8. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 21/10/1955 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034055001314

Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: C2106 Rice City, Tây nam Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: C2106 Rice City, Tây nam Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội